TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2023
V/v: thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nH dân:

1. Ông Tạ Văn Thắng.

2. Ông Nguyễn Công Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thẩm tra viên Tòa án nH dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nH dân huyện Q, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nH và gia đình thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vương Thị Thu L, sinh năm 1992. Đăng kí HKTT và nơi ở: Xóm 7, thôn Yên Nội, xã ĐQ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Tạ Trọng N, sinh năm 1990. Đăng kí HKTT và nơi ở: Đội 4, thôn Đại Phu, xã LT, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Chị L và anh N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc, nguyên đơn là chị Vương Thị Thu L trình bày:

Chị và anh Tạ Trọng N đã được Tòa án huyện Q, Thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 214/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2019. Theo quyết định của Tòa án, khi ly hôn, anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con

chung Tạ N1 sinh ngày 24/5/2017, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Tạ Gia H sinh ngày 18/8/2018. Sau đó, anh N không đến đón con N1 về chăm nuôi nên thực tế chị đã chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến nay. Mặc dù khi ly hôn anh chị không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nhưng trong suốt thời gian chị chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung mà anh N không có sự chia sẻ về kinh tế, cũng không thường xuyên đến thăm nom các con. Chính vì thế mà sau này thỉnh thoảng anh N cũng như gia đình anh ấy muốn đón cháu N1 về nhà chơi nhưng chị không đồng ý. Mặt khác, cháu N1 cũng không muốn đi cùng với bố. Hiện anh N đã kết hôn và cũng có thêm con. Nay chị đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu Tạ N1, cho chị được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Chị đề nghị anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc khi cháu muốn về ở với anh N.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Tạ Trọng N trình bày:

Việc anh và chị Vương Thị Thu L ly hôn và thỏa thuận về nuôi con sau khi ly hôn đúng như trình bày của chị L. Do lúc vợ chồng ly hôn thì cháu Tạ N1 mới hơn hai tuổi nên chị L nói để cho chị tiếp tục nuôi con đến khi cháu vào học lớp một thì anh đón về nuôi nên anh cũng đồng ý. Do tính chất công việc anh thường phải đi làm theo công trình nên không đến thăm nom các con thường xuyên được. Mỗi khi gia đình có việc hoặc ngày lễ, Tết anh muốn đón cháu N1 về nhà với ông bà nội nhưng chị L không đồng ý. Vì thế, anh rất bực và không chu cấp tiền nuôi con hàng tháng, chỉ khi đến thăm các con thì anh mua quà và đưa ít tiền. Khi cháu N1 phải làm thủ tục để đi học lớp một vào tháng 9/2023, anh và gia đình đến đón cháu thì chị L không đồng ý. Nay chị L yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu N1, anh không đồng ý. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

- Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

- Anh N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 58, 81, 82, 83, và 84 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu

khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị Vương Thị Thu L đối với anh Tạ Trọng N. Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Vương Thị Thu L khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nH và gia đình được quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tạ Trọng N có đăng kí hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại thôn Đại Phu, xã LT, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Tòa án nH dân huyện Q thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

Chị Vương Thị Thu L và anh Tạ Trọng N đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 214/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2019 của Tòa án nH dân huyện Q. Anh chị có hai con chung là Tạ N1 sinh ngày 24/5/2017 và Tạ Gia H sinh ngày 18/8/2018. Mặc dù theo quyết định của Tòa án anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Tạ N1 nhưng thực tế sau khi anh chị ly hôn cháu vẫn do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Theo lời khai của anh N, chị L và xác minh đối với hai bên gia đình anh chị thì hiện anh N đã tái hôn và có con mới. Cộng với tính chất công việc phải đi làm xa nhà theo công trình nên anh N không thường xuyên đến thăm nom các con. Chính điều đó dẫn đến việc không tạo sự gần gũi với các con, đúng như lời khai của anh N. Hiện cả anh N và chị L đều đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ nên bố mẹ sẽ hỗ trợ thêm trong việc chăm sóc con. Anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định. Hiện chị L làm nH viên dinhh dưỡng tại Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Ngọc, thời gian làm việc theo ca từ 5h30 đến 14h00. Thỉnh thoảng có ngày tăng ca thì sẽ làm đến 17h00. Công việc của anh N là lắp đặt thiết bị điện lạnh, phải đi làm theo công trình nên thường xa nhà, đi từ 10-15 ngày mới về. Hơn nữa, trong suốt thời gian qua, dù không có sự chia sẻ, hỗ trợ của anh N nhưng chị L vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 phát triển khỏe mạnh và đang theo học lớp 1 trường tiểu học ở xã ĐQ, huyện Q. Do đó, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của người con, để cuộc sống của cháu N1 không bị xáo trộn, ổn định về tâm sinh lý nên căn cứ 84 Luật Hôn nH và gia đình

2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc giao cháu Tạ N1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về mức cấp dưỡng nuôi con mà chị L yêu cầu, Hội đồng xét xử thấy: Anh N khai thu nhập của anh ổn định ở mức 12.000.000đ/tháng. Chị L khai hiện chi phí cho việc ăn và học bán trú của cháu N1 ở trường tiểu học hết khoảng 1.000.000đ/tháng. Ngoài học chính ở trường, chị có cho cháu theo học thêm lớp dạy tiếng anh nên bình quân 1 tháng chi phí cho ăn học ở trường và học thêm hết khoảng 2.000.000đ/tháng, không tính ăn uống sinh hoạt ngoài trường. Như vậy, mức cấp dưỡng mà chị L yêu cầu là hoàn toàn hợp lý với nhu cầu sinh hoạt hàng tháng của cháu N1 và phù hợp với điều kiện thu nhập của anh N. Do đó, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N1 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu N1 thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Q về việc giải quyết vụ án không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Thu L đối với anh Tạ Trọng N về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao chị Vương Thị Thu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Tạ N1 sinh ngày 24/5/2017 cho đến khi cháu N1 thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Tạ Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Tạ N1 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu N1 thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Chị Vương Thị Thu L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về thay dổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000786 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

Anh Tạ Trọng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu:hồ sơ vụ án; VPTA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nH dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nH và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nH dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nH dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nH dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nH dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nH dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nH dân tỉnh Hà N).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nH và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không pH biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt N giữa cá nH với cá nH được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt N giữa cá nH với cá nH").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nH dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nH dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nH dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nH dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nH dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nH dân" thành "Viện kiểm sát nH dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nH và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về

kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nH thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nH; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để pH tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; pH tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nH khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án pH tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nH khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)